

Số /TTr-SNgV

Hà Tĩnh, ngày tháng 9 năm 2024

TỜ TRÌNH

Phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh”

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin số 67/2006/QH11 ngày 29/6/2006;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/03/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về Quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước; Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 3021/QĐ-BNG 2023 ngày 31/10/2023 của Bộ Ngoại giao ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung, dịch vụ chia sẻ dữ liệu và dữ liệu mở của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ Công văn số 3127/BTTTT-CCĐSQG ngày 31/7/2024 của Bộ Thông tin và Truyền thông về tăng cường hiệu quả quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 22/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 339-QĐ/TU ngày 21/3/2017 của Ban Thường vụ

Tỉnh ủy Hà Tĩnh về việc ban hành Quy chế Quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ và Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Ngoại vụ ban hành kèm theo Quyết định số 10/2016/QĐ-UBND ngày 21/3/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 39/2020/QĐ-UBND ngày 08/12/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp xử lý các vấn đề về lãnh sự liên quan đến người nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quyết định số 46/2021/QĐ-UBND ngày 29/10/2021 của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành Quy chế phối hợp trong công tác quản lý hoạt động thông tin, báo chí của báo chí nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 3282/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Hà Tĩnh, phiên bản 2.0;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 18/02/2022 của UBND tỉnh Phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025”;

Căn cứ Kế hoạch số 393/KH-UBND ngày 29/10/2020 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 115/KH-UBND ngày 29/03/2024 của UBND tỉnh về Chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh năm 2024;

Sở Ngoại vụ kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh”, với các nội dung sau:

1. Tên nhiệm vụ: Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh.

2. Cấp quyết định đầu tư: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

3. Chủ đầu tư: Sở Ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh.

4. Địa điểm thực hiện:

- Sở Ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh.

- Địa chỉ: Số 13 Phan Đình Phùng, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

5. Sự cần thiết xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh

Ngày 22/10/2021 Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XIX) đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU về Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030: "Chuyển đổi số hướng đến thực hiện mục tiêu toàn diện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ

XIX, trọng tâm là phát triển hạ tầng số, cơ sở dữ liệu số, tạo nền tảng phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp; phấn đấu luôn giữ vị trí thuộc nhóm 20 tỉnh, thành phố có chỉ số cao về Chính phủ số, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh", xác định rõ đến năm 2025: "Về chính quyền số - 100% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình Chính phủ; từng bước hình thành cơ sở dữ liệu mở của tỉnh kết nối liên thông trên 80% cơ sở dữ liệu của các sở, ngành để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời"; đến năm 2030: "Phát triển cơ sở dữ liệu mở của tỉnh kết nối liên thông 100% cơ sở dữ liệu của các sở ngành trên địa bàn tỉnh để phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công kịp thời, một lần khai báo, khai thác trọn đời". Ngày 18/02/2022, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 424/QĐ-UBND phê duyệt Đề án “Chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021-2025” với mục tiêu Chuyển đổi số hướng đến thực hiện mục tiêu toàn diện theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, thực hiện thành công Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về tập trung lãnh đạo, chỉ đạo chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030. Trong đó, trọng tâm là phát triển chính quyền số, kinh tế số, hướng đến xã hội số; gắn quá trình chuyển đổi số với cải cách hành chính nhằm nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và cung cấp dịch vụ công của chính quyền các cấp; góp phần đưa Hà Tĩnh trở thành tỉnh có kinh tế phát triển, xã hội tiên bộ, quốc phòng - an ninh được đảm bảo, chính trị ổn định, trong đó xác định Phát triển hạ tầng số và cơ sở dữ liệu số: "Các sở, ban, ngành và UBND các cấp thực hiện số hóa tài liệu, hồ sơ, các quy trình nghiệp vụ; chứng thực hồ sơ điện tử, **phát triển các hệ thống cơ sở dữ liệu số phục vụ quản lý nhà nước** và cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4; đồng thời, kết nối liên thông với nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP).

Tại Kế hoạch số 154/KH-UBND về chuyển đổi số tỉnh Hà Tĩnh năm 2024, đặt ra mục tiêu cụ thể, trong đó: " 100% cơ sở dữ liệu quốc gia được kết nối, ứng dụng trên địa bàn tỉnh theo lộ trình Chính phủ; triển khai kết nối, đồng bộ các cơ sở dữ liệu của các sở, ngành vào Cổng dữ liệu dùng chung của tỉnh"; về dữ liệu số "Chú trọng phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu của các ngành, các cấp; từng bước kết nối liên thông, hình thành cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; hình thành cơ sở dữ liệu mở theo định hướng tại Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, phục vụ người dân, doanh nghiệp một lần khai báo được sử dụng trọn đời, tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội"; về nền tảng số: " Tiếp tục tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án về phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025,

tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ); phát triển nền tảng tích hợp, chia sẻ dùng chung cấp tỉnh (LGSP), kết nối liên thông với nền tảng tích hợp và chia sẻ quốc gia (NGSP), bảo đảm đồng bộ các hệ thống dữ liệu quốc gia được đưa vào khai thác sử dụng. Từng bước kết nối các hệ thống CSDL của các sở, ban, ngành đã có vào nền tảng LGSP của tỉnh".

Ngành Ngoại vụ thường phải xử lý một khối lượng lớn thông tin liên quan đến các hoạt động đối ngoại, quản lý đoàn ra đoàn vào, hộ chiếu ngoại giao, hộ chiếu công vụ, công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài, thỏa thuận quốc tế, bảo hộ công dân, biên giới lãnh thổ... Một hệ thống cơ sở dữ liệu giúp tổ chức và lưu trữ những thông tin này một cách có hệ thống và dễ dàng truy cập. Hệ thống cơ sở dữ liệu sẽ giúp tự động hóa nhiều quy trình và nhiệm vụ, giảm thiểu công việc thủ công và tiết kiệm thời gian. Điều này nâng cao hiệu quả làm việc của các cán bộ, phòng, đơn vị của ngành ngoại vụ. Ngoài ra hệ thống cơ sở dữ liệu cho phép các nhà hoạch định chính sách có thể truy cập và phân tích dữ liệu nhanh chóng để đưa ra quyết định chính trị và đối ngoại chính xác hơn; Ngành Ngoại vụ cần lưu trữ và quản lý nhiều hồ sơ, tài liệu và báo cáo, một hệ thống cơ sở dữ liệu ngành có thể cung cấp khả năng lưu trữ lâu dài, dễ dàng truy xuất và bảo trì hồ sơ này.

Xuất phát từ yêu cầu thực tiễn hiện nay, bắt kịp xu thế hội nhập và phát triển, việc triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu ngành ngoại vụ đồng bộ, hiện đại, đáp ứng được yêu cầu về kết nối và chia sẻ dữ liệu, đây là vấn đề hết sức quan trọng, cấp thiết. Xây dựng được CSDL dùng chung của ngành ngoại vụ giúp tăng cường được khả năng phối hợp bằng cách chia sẻ, kết nối thông tin dễ dàng hơn; cải thiện khả năng phân tích và ra quyết định, giúp lãnh đạo có thể dễ dàng truy cập thông tin cần thiết để đưa ra quyết định dựa trên dữ liệu chính xác và đầy đủ; bên cạnh đó còn có thể có cái nhìn tổng quát hơn về tình hình nghiên cứu và phát triển ngành ngoại vụ.

Chính vì vậy, việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ Hà Tĩnh là rất cần thiết.

6. Phạm vi triển khai

- Triển khai trong phạm vi tại Sở Ngoại vụ và các đơn vị trực thuộc;
- Triển khai tại các Văn phòng HĐND&UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh;
- Các Sở, ngành trên địa bàn tỉnh liên quan đến dữ liệu ngành Ngoại vụ;

7. Mục tiêu, quy mô thực hiện

7.1. Mục tiêu

Xây dựng và triển khai hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ trong toàn ngành nhằm đáp ứng yêu cầu tích hợp, đồng bộ các hệ thống phần mềm hiện có, tạo lập cơ sở dữ liệu dùng chung toàn ngành phục vụ công tác quản lý nhà nước của ngành ngoại vụ trên phạm vi toàn tỉnh. Cụ thể:

- Mua sắm bản quyền Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu.

- Xây dựng phần mềm nội bộ quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung ngành Ngoại vụ.
- Nâng cấp phần mềm cơ sở dữ liệu kiều bào người Hà Tĩnh ở nước ngoài.
- Thuê hạ tầng để xây dựng và triển khai ứng dụng Nền tảng quản trị và cơ sở dữ liệu dùng chung của toàn ngành Ngoại vụ.
- Mua sắm thêm máy tính xách tay phục vụ công tác xử lý trên hệ thống.
- Tích hợp, đồng bộ các cơ sở dữ liệu hiện có của Sở vào nền tảng, đảm bảo một hệ thống truy cập dung chung duy nhất cho ngành, cung cấp một môi trường an toàn bảo mật, trao đổi thông tin nhanh, hiệu quả và tin cậy thống nhất cho các đơn vị trên phạm vi toàn tỉnh.
- 100% các đơn vị trong ngành thực hiện báo cáo định kỳ; Hình thành các báo cáo động (dashbroad), phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở.

7.2. Quy mô

Quy mô thực hiện bao gồm các hạng mục:

a) Mua sắm Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu:

Mua sắm bản quyền sử dụng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu có những chức năng cơ bản sau:

- Có khả năng quy hoạch dữ liệu (tổng hợp, lưu trữ tập trung hoặc phi tập trung các nguồn dữ liệu có cấu trúc và phi cấu trúc), phân tích, trích xuất, thống kê từ các nguồn khác nhau của hệ thống chính quyền điện tử, đô thị thông minh.
- Có khả năng xây dựng các báo cáo, dashboard dễ dàng và nhanh chóng nhằm phục vụ cho lãnh đạo trong việc ra quyết định, quản lý thông tin kinh tế xã hội.
- Có khả năng chia sẻ dữ liệu, kết quả phân tích cho các hệ thống khác tạo ra các kênh tương tác, minh bạch thông tin giữa người dân và chính quyền.
- Có khả năng tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn, chuẩn hóa dữ liệu, lưu trữ vào kho dữ liệu; phân tích, xử lý dữ liệu theo nhu cầu; trình diễn dữ liệu theo nhiều chiều từ đó làm công cụ giúp các cơ quan nhà nước sử dụng, khai thác dữ liệu một cách có hiệu quả phục vụ công tác chỉ đạo điều hành.
- Có khả năng mở rộng linh hoạt để có thể đáp ứng với sự tăng trưởng của dữ liệu mà không ảnh hưởng đến hiệu suất.
- Có khả năng bảo mật mạnh mẽ như mã hóa dữ liệu, kiểm soát truy cập và giám sát để đảm bảo an toàn cho dữ liệu.
- Có khả năng hỗ trợ giao diện nhập liệu hình thành các CSDL chuyên ngành, dùng chung.
- Có khả năng tích hợp với phần mềm nội bộ để có thể xây dựng các kho dữ liệu chuyên ngành, kho dữ liệu dùng chung, kho dữ liệu mở.
- Có khả năng chia sẻ dữ liệu, chia sẻ biểu đồ, chia sẻ dashboard... cho

các ứng dụng nội bộ tích hợp hoặc nhúng.

Đảm bảo khả năng đáp ứng theo Quyết định số 2463/QĐ-BTTTT ngày 15/12/2023 quy định về các tính năng, chức năng của nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu, cụ thể như sau:

STT	Yêu cầu	Mô tả chi tiết
I	Quản lý tài khoản	
1	Quản lý tài khoản sử dụng hệ thống	Bao gồm các yêu cầu sau: - Quản lý danh sách tài khoản hệ thống; - Có thể thêm, sửa, xóa tài khoản; - Phân quyền tài khoản, gán tài khoản vào nhóm quyền.
2	Quản lý nhóm quyền	- Có thể thêm, sửa, xóa nhóm quyền; - Có thể thêm, sửa, xóa người dùng theo nhóm quyền; - Có thể phân quyền theo nhóm quyền.
3	Đăng nhập	Có thể đăng nhập hệ thống.
4	Đăng xuất	Có thể đăng xuất hệ thống.
II	Quản lý dữ liệu	
5	Thu nhận dữ liệu	- Hỗ trợ thu nhận dữ liệu với các hình thức sau: + CSDL có cấu trúc (MSSQL Server, MySQL, MariaDB, Oracle, ...); + CSDL liệu phi cấu trúc (MongoDB, Cassandra, ...); + File dữ liệu (CSV, Excel, Json, ...); + API; + Và các hình thức khác (nếu có). - Người quản trị có thể chủ động cấu hình tạo dịch vụ thu nhận dữ liệu. - Có thể thu nhận dữ liệu theo định kỳ.
6	Chuẩn hóa dữ liệu thu nhận	- Cho phép cấu hình để chuẩn hóa dữ liệu theo từng định dạng, bao gồm: + Kiểu số; + Kiểu thời gian; + Kiểu ngày tháng; + Tiền tệ; + Kiểu chuỗi. - Cho phép định nghĩa các hàm biến đổi dữ liệu phổ biến để đưa ra các quy tắc cho dữ liệu;
7	Quản lý danh mục dữ liệu	- Quản lý danh mục dữ liệu bao gồm các chức năng thêm, sửa, xóa, tìm kiếm danh mục dữ liệu; - Chi tiết hóa danh mục dữ liệu đến từng trường, kiểu của trường, ý nghĩa của trường phục vụ việc thống kê dữ liệu.

8	Quản lý nguồn dữ liệu (là các phần mềm/hệ thống/nền tảng cung cấp dữ liệu cho Nền tảng)	Cho phép quản lý, cấu hình đối với nguồn dữ liệu từ các phần mềm, hệ thống, nền tảng cung cấp dữ liệu.
9	Quản lý dữ liệu thu nhận	- Cho phép quản lý dữ liệu đã thu nhận từ các phần mềm, hệ thống, nền tảng hoặc tệp dữ liệu; - Cho phép xem chi tiết dữ liệu đã thu nhận.
10	Quản lý dữ liệu phân tích	- Cho phép xem danh sách các dữ liệu đã được phân tích; - Cho phép tìm kiếm các dữ liệu đã được phân tích; - Cho phép xem chi tiết dữ liệu phân tích; - Cho phép xóa các dữ liệu phân tích;
11	Lịch sử đồng bộ, xử lý dữ liệu	Hỗ trợ hiển thị lịch sử đồng bộ, xử lý dữ liệu.
12	Chia sẻ dữ liệu	- Hỗ trợ chia sẻ dữ liệu với các hệ thống khác qua API, SDK, Web services ...; - Quản lý dữ liệu chia sẻ: + Cho phép bổ sung thông tin chi tiết cho dữ liệu chia sẻ; + Cho phép tìm kiếm/ xem chi tiết dữ liệu chia sẻ; + Cập nhật phân quyền cho dữ liệu chia sẻ; + Theo dõi lịch sử dụng dữ liệu chia sẻ từ Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu. - Người quản trị có thể chủ động cấu hình tạo dịch vụ chia sẻ dữ liệu; - Chia sẻ dữ liệu hỗ trợ các định dạng cơ bản như Json, Xml, CSV, XLSX ...;
13	Thống kê dữ liệu	Hỗ trợ thống kê dữ liệu bao gồm: - Dữ liệu thu nhận; - Dữ liệu phân tích; - Thống kê việc chia sẻ theo danh mục, lĩnh vực; - Thống kê dữ liệu theo hệ thống nguồn; - Các hình thức thống kê khác (nếu có).
III	Quản lý cấu hình trình diễn dữ liệu	

14	Cấu hình trình diễn dữ liệu	Cho phép tạo và quản lý các biểu đồ: - Cấu hình vùng trình diễn dữ liệu; - Cấu hình dữ liệu trình diễn; - Tạo lập báo cáo động. - Cấu hình cách hiển thị dữ liệu; dạng bảng, biểu đồ (cột, dòng, tròn ...) và các dạng khác; - Cấu hình trình diễn công khai hoặc nội bộ;
15	Hỗ trợ biểu diễn dữ liệu	- Cung cấp các chức năng hỗ trợ biểu diễn dữ liệu như: + Làm mới số liệu bảng, biểu đồ; + Tự động điều chỉnh kích thước biểu đồ theo kích thước màn hình hiển thị;
IV Trình diễn dữ liệu		
16	Hiển thị dữ liệu dạng biểu đồ, bản đồ	Hiển thị biểu đồ dạng cột, đường, tròn, bản đồ và các dạng phổ thông khác, so sánh cùng kỳ.
17	Hiển thị dữ liệu dạng bảng	Hiển thị dữ liệu dạng bảng số liệu, so sánh cùng kỳ.
18	Hiển thị dữ liệu dạng tổng hợp số liệu	Hiển thị dữ liệu dạng tổng hợp, so sánh cùng kỳ.
19	Hiển thị dữ liệu theo các lớp hoặc theo thời gian	Hỗ trợ hiển thị dữ liệu theo thời gian.
V Nhóm chức năng mở rộng		
20	Tích hợp SSO hoặc tài khoản dùng chung	Có phương án tích hợp SSO hoặc tài khoản dùng chung của bộ, ngành, địa phương.
21	Phân tích dữ liệu	- Có công cụ, chức năng hỗ trợ việc phân tích, tổng hợp dữ liệu; - Cho phép cấu hình, thiết lập thông số để phân tích dữ liệu;

Thời gian mua bản quyền sử dụng kèm theo bảo hành: 3 năm

b) Xây dựng phần mềm nội bộ quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu dùng chung ngành Ngoại vụ:

- Quản lý cơ sở dữ liệu dùng chung ngành Ngoại vụ:

+ Cơ sở dữ liệu của Phòng Lãnh sự - Biên giới:

- Cơ sở dữ liệu về Quản lý Đoàn ra, Đoàn vào;
- Cơ sở dữ liệu về Lãnh sự và bảo hộ công dân;
- Cơ sở dữ liệu về Quản lý báo chí nước ngoài;
- Cơ sở dữ liệu về Người Việt Nam ở nước ngoài;
- Cơ sở dữ liệu về Ngoại giao văn hóa.

- + Cơ sở dữ liệu của Phòng Hợp tác Quốc tế:
 - Cơ sở dữ liệu về Quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế;
 - Cơ sở dữ liệu về Ký kết thỏa thuận quốc tế;
 - Cơ sở dữ liệu về Quản lý các tổ chức PCP nước ngoài hoạt động tại Hà Tĩnh;
 - Cơ sở dữ liệu về Ngoại giao kinh tế.
- + Cơ sở dữ liệu của Văn phòng - Thanh tra:
 - Cơ sở dữ liệu về Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức, viên chức;
 - Cơ sở dữ liệu về Công tác khen thưởng có yếu tố nước;
 - Cơ sở dữ liệu về Công tác thi đua, khen thưởng của ngành.
- + Cơ sở dữ liệu của Trung tâm Dịch thuật và Dịch vụ đối ngoại:
 - Cơ sở dữ liệu về Hộ chiếu Ngoại giao, Hộ chiếu công vụ;
 - Cơ sở dữ liệu về Hợp pháp hóa lãnh sự;
 - Cơ sở dữ liệu về Cấp thị thực ngoại giao;
 - Cơ sở dữ liệu về Dịch thuật và Dịch vụ đối ngoại.
- **Khai thác các chỉ tiêu ngành Ngoại vụ thuộc các nhóm sau:**
 - + Cơ sở dữ liệu của Phòng Lãnh sự - Biên giới.
 - + Cơ sở dữ liệu của Phòng Hợp tác Quốc tế.
 - + Cơ sở dữ liệu của Văn phòng - Thanh tra.
 - + Cơ sở dữ liệu của Trung tâm Dịch thuật và Dịch vụ đối ngoại.
- **Quản lý các danh mục nhóm, lĩnh vực ngành Ngoại vụ:**
 - + Cho phép quản trị hệ thống có thể chủ động tạo mới, sửa, xóa, cập nhật các danh mục nhóm quản lý ngành Ngoại vụ.
 - + Cho phép quản trị hệ thống có thể chủ động tạo mới, sửa, xóa, cập nhật các lĩnh vực quản lý thuộc ngành Ngoại vụ.
- **Thiết kế bố cục (Layout) thống kê dữ liệu ngành Ngoại vụ:**
 - + Quản lý bố cục theo các danh mục nhóm thể hiện dữ liệu theo các chỉ tiêu ngành Ngoại vụ.
 - + Cung cấp công cụ để người dùng có thể tùy biến (tự thiết kế) các bố cục.
 - + Hỗ trợ các bố cục có sẵn để người dùng có thể sử dụng trực tiếp.
- **Quản lý và thiết kế các Dashboard thống kê dữ liệu ngành Ngoại vụ:**
 - + Cung cấp công cụ thiết kế dashboard báo cáo từ kho dữ liệu ngành Ngoại vụ theo nhu cầu nghiệp vụ mong muốn.

+ Cho phép người dùng chủ động thiết kế, cấu hình thông tin và trình diễn dữ liệu ở các dạng biểu đồ khác nhau thành một dashboard. Giúp người xem có cái nhìn trực quan và sinh động về dữ liệu ngành Ngoại vụ.

+ Hỗ trợ cấu hình và xem dữ liệu trực quan khi nhúng một link (liên kết) của hệ thống khác.

+ Hỗ trợ cấu hình và xem dữ liệu trực quan khi nhúng dưới một script (đoạn mã) của hệ thống khác.

+ Cho phép chia sẻ công khai dashboard với mọi người dùng hoặc giới hạn theo tài khoản, đơn vị.

- Khai thác báo cáo ngành:

+ Người dùng có thể xem số liệu dashboard thống kê dữ liệu ngành Ngoại vụ không cần tài khoản đăng nhập hệ thống.

+ Với người dùng là cán bộ của đơn vị có tài khoản đăng nhập sẽ được xem chi tiết các dashboard nội bộ đơn vị và hiệu chỉnh dashboard.

c) Triển khai kết nối các CSDL của hệ thống sẵn có tại Sở Ngoại vụ Hà Tĩnh với các hệ thống ngành trong, ngoài tỉnh và Trung ương:

- Phần mềm cơ sở dữ liệu kiểu bào người Hà Tĩnh ở nước ngoài;

- Phần mềm quản lý cán bộ CCVC;

d) Thuê máy chủ cài đặt phần mềm:

Thuê 2 máy chủ ảo (01 máy chủ ảo cài đặt phần mềm, 01 máy chủ ảo cài đặt Cơ sở dữ liệu), cấu hình máy chủ ảo tối thiểu như sau CPU: 20Core/40Thread, Bộ nhớ RAM: 64GB, dung lượng lưu trữ SSD: 2 x 960GB.

Thời gian thuê máy chủ ảo: 3 năm.

đ) Mua sắm máy tính xách tay chuyên dụng để phục vụ xử lý hệ thống:

Mua sắm thêm 05 máy tính xách tay chuyên dụng phục vụ công tác xử lý hệ thống phần mềm mới đầu tư, cấu hình chi tiết như sau:

Laptop (Intel Core i5 1335U | 16GB | 512GB | 120Hz)

CPU: Intel Core i5 Raptor Lake - 1335U (upto 4.60 GHz, 12 MB)

RAM: 16GB DDR4 2666 MHz (2 Khe)

Ổ cứng: 512 GB SSD NVMe PCIe

Card màn hình: Card tích hợp - Intel Iris Xe Graphics

Màn hình: 15.6 inch FHD 1920 x 1080, 120 Hz

Cổng giao tiếp:

USB Type-C

1 x USB 2.0

1 x USB 3.2

HDMI

1 x Headphone/microphone combo

LAN (RJ45)

Kết nối không dây: Bluetooth 5.0 Wi-Fi 802.11 a/b/g/n/ac

Khe đọc thẻ nhớ: SD

Webcam: HD webcam

Pin: 3-cell Li-ion, 41 Wh

Khối lượng tịnh: 1.66 kg

OS: Windows 11 Home SL + Office Home & Student vĩnh viễn

e) Đào tạo, chuyển giao về quản trị và vận hành hệ thống:

- Đào tạo hướng dẫn sử dụng phần mềm: đối tượng đào tạo dự kiến bao gồm tối đa cho: 30 Cán bộ Sở Ngoại vụ; Các đơn vị trực thuộc;

- Đào tạo quản trị, vận hành ứng dụng: Đào tạo dự kiến 2 cán bộ tin học.

8. Dự kiến kết quả:

Hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ giúp việc kết nối tất cả các CSDL hiện có của Sở và hỗ trợ xây dựng, quản lý được các CSDL chưa có của Sở từ đó tạo lập hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung toàn ngành trên phạm vi toàn tỉnh và sẵn sàng kết nối liên thông với các hệ thống Sở, ban, ngành của UBND tỉnh; của Bộ Ngoại giao và Trung Ương.

9. Dự kiến tổng mức đầu tư:

Tổng dự kiến kinh phí là: **2.220.012.226 đồng** (*Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm hai mươi triệu không trăm mười hai nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng*).

Chi phí Thuê và mua sắm hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ thông tin:	409.200.000
---	-------------

Chi phí mua bản quyền Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu và Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung ngành Ngoại vụ:	1.605.839.000
---	---------------

Chi phí đào tạo sử dụng, chuyển giao công nghệ:	14.899.000
---	------------

Chi phí quản lý dự án	43.229.222
-----------------------	------------

Chi phí tư vấn	104.306.703
----------------	-------------

Chi phí khác	19.347.892
--------------	------------

Chi phí dự phòng	23.190.409
------------------	------------

10. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

11. Thời gian thực hiện: 2024-2025.

12. Hình thức đầu tư: Đầu tư mới.

13. Phương thức thiết kế: Căn cứ theo khoản 24, Điều 3, điểm a, khoản 1, khoản 3 Điều 10, đề xuất phương án: Thiết kế 01 bước

14. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư:

+ Chuẩn bị đầu tư: 08/2024 - 11/2024;

+ Thực hiện đầu tư: 12/2024 - 06/2025;

+ Kết thúc đầu tư: 07/2025.

15. Tổ chức thực hiện: Sở Ngoại vụ chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh” theo quy định hiện hành của nhà nước; đồng thời là đầu mối đưa ra các yêu cầu nghiệp vụ, thống nhất quy trình nghiệp vụ được tin học hóa, thực hiện kiểm thử phần mềm, thống nhất phương án đào tạo và triển khai chính thức chương trình cho đơn vị; Chủ trì về mặt kỹ thuật, xây dựng hệ thống, lựa chọn nhà thầu đảm bảo hệ thống hoạt động tốt; Nghiệm thu sản phẩm, triển khai, vận hành hệ thống sau khi tiếp quản.

Trên đây là đề xuất của Sở Ngoại vụ về việc triển khai thực hiện nhiệm vụ “Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh” kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở TT&TT;
- Sở Tài chính;
- BGĐ Sở;
- Lưu: VT, VPTTr.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Mạnh Hùng

PHỤ LỤC 1: Khái toán chi tiết kinh phí
Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành Ngoại vụ tỉnh Hà Tĩnh

TT	Nội dung chi phí	Ký hiệu và công thức thực tính	Giai trị trước thuế	Thuế VAT	Giá trị sau thuế VAT	Ghi chú
I	Chi phí trang thiết bị	Gtb = Gms + Gcsdl + Glđcd + Gđt + Gtk	1.992.738.000	37.200.000	2.029.938.000	
1	Chi phí mua sắm thiết bị công nghệ thông tin	Gms=Gmstb+Gpmtm+Gpmnb	1.977.839.000	37.200.000	2.015.039.000	
1.1	Chi phí thuê và mua sắm hạ tầng kỹ thuật, thiết bị công nghệ thông tin	Gmstb	372.000.000	37.200.000	409.200.000	Theo báo giá thị trường
1.1.1	Chi phí thuê máy chủ cài đặt Phần mềm nền tảng và cài đặt CSDL	Gmstb1	272.000.000	27.200.000	299.200.000	
1.1.2	Chi phí mua sắm máy tính xách tay chuyên dụng để phục vụ xử lý hệ thống	Gmstb2	100.000.000	10.000.000	110.000.000	
1.2	Phần mềm thương mại: Bản quyền sử dụng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu	Gpmtm	464.640.000	0	464.640.000	Theo báo giá thị trường
1.3	Phần mềm nội bộ: Dựa trên Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu thực hiện Xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung ngành Ngoại vụ	Gpmnb	1.141.199.000	0	1.141.199.000	- Lập Bảng dự toán chi tiết theo Quyết định 671/QĐ-BTTTT ngày 26/4/2024
2	Chi phí đào tạo hướng dẫn sử dụng; chi phí đào tạo cho cán bộ quản trị,	Gdaotao	14.899.000	0	14.899.000	- Lập Bảng dự toán chi tiết

	vận hành hệ thống (nếu có).					
	Tổng hợp chi phí theo hạng mục cụ thể:					
	<i>Hạng mục hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin</i>	$Ghtkcntt = Gmstb + Gpmtm$	836.640.000	37.200.000	873.840.000	<i>Theo khoản 5 Hướng dẫn chung trong định mức chi phí của Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT: Hạng mục hạ tầng kỹ thuật (thiết bị, phần mềm thương mại); Hạng mục phần mềm nội bộ, CSDL.</i>
	<i>Hạng mục phần mềm nội bộ CSDL</i>	$Gpmnb_csdl = Gpmnb + Gdaotao$	1.156.098.000	0	1.156.098.000	
II	Chi phí quản lý dự án (thuê tư vấn QLDA)	Gqlda	40.027.058	3.202.164	43.229.222	
<i>1</i>	<i>Hạng mục hạ tầng kỹ thuật CNTT</i>	$= Ghtkcntt * 2,644 \% * 0,84$	18.581.440	1.486.515	20.067.955	Bảng số 1: Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT Áp dụng nghị định số

						72/2024/NĐ-CP giảm thuế GTGT 8%
2	Hạng mục phần mềm nội bộ, CSDL	$=Gpmnb_csdl*1,8$ 55%	21.445.618	1.715.649	23.161.267	Bảng số 1: Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ-CP giảm thuế GTGT 8%
III	Chi phí Tư vấn	Gtuvan	96.580.281	7.726.422	104.306.703	
1	Chi phí tư vấn lập Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật		50.381.436	4.030.515	54.411.951	
1.1	Hạng mục hạ tầng kỹ thuật CNTT	$=Ghtkcntt*0,992$ %	8.299.469	663.958	8.963.427	Bảng số 2: Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ-CP giảm thuế GTGT 8%
1.2	Hạng mục phần mềm nội bộ, CSDL	$=Gpmnb_csdl*3,6$ 40%	42.081.967	3.366.557	45.448.524	Bảng số 2: Quyết định số 1688/QĐ-

						BTTTT Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ- CP giảm thuế GTGT 8%
2	Chi phí lập hồ sơ thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu	=Gtb*0,4%	7.970.952	637.676	8.608.628	Điều 12 NĐ 24 Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ- CP giảm thuế GTGT 8%
3	Chi phí thẩm định HSMT và kết quả lựa chọn nhà thầu	=Gtb*0,2%	4.770.516	381.641	5.152.157	Điều 12 NĐ 24 Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ- CP giảm thuế GTGT 8%
4	Chi phí Giám sát thi công		29.857.377	2.388.590	32.245.967	Quyết định số 1688/QĐ- BTTTT
4.1	<i>Hạng mục hạ tầng kỹ thuật CNTT</i>	<i>=Ghtkcntt*0,718 %</i>	<i>6.007.075</i>	<i>480.566</i>	<i>6.487.641</i>	Bảng số 9: Quyết định số 1688/QĐ- BTTTT

						Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ-CP giảm thuế GTGT 8%
4.2	Hạng mục phần mềm nội bộ, CSDL	$=Gpmnb_csdl*2,063\%$	23.850.302	1.908.024	25.758.326	Bảng số 9: Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ-CP giảm thuế GTGT 8%
5	Chi phí thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi, thiết kế, dự toán	$70\%*2.000.000+70\%*2.000.000+40\%*2.000.000$	3.600.000	288.000	3.888.000	- Áp dụng mục 4.1.5 của Quyết định số 1688/QĐ-BTTTT ngày 11/10/2019 - Trường hợp thẩm tra báo cáo kinh tế - kỹ thuật, đề cương và dự toán chi tiết, chi phí thẩm tra bao gồm: 70% định

						mức chi phí thẩm tra thiết kế thi công, 70% định mức chi phí thẩm tra dự toán và 40% định mức chi phí thẩm tra tính hiệu quả và khả thi của dự án Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ-CP giảm thuế GTGT 8%
IV	Chi phí khác		17.914.715	1.433.177	19.347.892	
1	Thẩm tra phê duyệt quyết toán	=Gtb*0,57%*70%	7.951.025	636.082	8.587.107	Điểm c và điểm c thuộc khoản 1 Điều 46 Nghị định số 99/2021/NĐ-CP ngày 11/11/2021 của Chính phủ Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ-

						CP giảm thuế GTGT 8%
2	Chi phí thẩm định giá	$0,5\% * Gtb$	9.963.690	797.095	10.760.785	Báo giá công ty Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ- CP giảm thuế GTGT 8%
V	Chi phí dự phòng	Gduphong	21.472.601	1.717.808	23.190.409	
	Hạng mục thực hiện	$Gduphong = (Gtb + Gqlđ + Gtưv + Gkhac) \times 1\%$	21.472.601	1.717.808	23.190.409	Áp dụng nghị định số 72/2024/NĐ- CP giảm thuế GTGT 8%
	Tổng cộng trước thuế (I+II+III+IV+V)		2.168.732.655	51.279.571	2.220.012.226	